

BÁO CÁO
Tổng kết thi hành Luật Nhà ở năm 2014 và
Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014

Sở Tư pháp nhận được Văn bản 1570/SXD-KTBĐS ngày 04/8/2021 của Sở Xây dựng về việc báo cáo tổng kết thi hành Luật Nhà ở năm 2014 và Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014, Sở Tư pháp báo cáo (*số liệu tính từ ngày 01/7/2015 đến ngày 31/7/2021*), như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN LUẬT NHÀ Ở NĂM 2014 VÀ LUẬT KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN NĂM 2014

1. Việc triển khai, quán triệt, ban hành văn bản tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến hiện Luật Nhà ở năm 2014 và Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014

1.1. Việc triển khai, quán triệt, ban hành văn bản tổ chức thực hiện Luật Nhà ở năm 2014 và Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014

Sở Tư pháp đã trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 18/5/2015 về việc triển khai thi hành các Luật được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua, trong đó có Luật Nhà ở năm 2014 và Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 26/6/2017 theo dõi thi hành pháp luật về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2018 về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*một trong những lĩnh vực theo dõi trọng tâm liên ngành là điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường - trong đó có đất đai là bất động sản*); Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 28/01/2021 về Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2021 (*lĩnh vực theo dõi trọng tâm liên ngành là cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất, giao rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng*); Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 29/12/2017 triển khai thực hiện Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Văn bản số 939/UBND-TNMT ngày 04/4/2020 triển khai thực hiện Thông tư số 07/2019/TT-BTP hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và tổ chức triển khai thực hiện.

Sở Tư pháp đã ban hành Quyết định số 37/QĐ-STP ngày 06/02/2018 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm trong lĩnh vực tư pháp; Quyết định số 35/QĐ-STP ngày 28/2/2020 ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành và lĩnh vực trọng tâm của Sở Tư pháp năm 2020 (*lĩnh vực theo dõi trọng tâm là đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất*); Quyết định số 60/QĐ-STP ngày 23/02/2021 ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm của Sở Tư pháp năm 2021 (*lĩnh vực theo dõi trọng tâm là rà soát văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất đai*); Văn bản số 145/STP-HCTP ngày 21/02/2020 hướng dẫn, triển khai thực hiện Thông tư số 07/2019/TT-BTP hướng dẫn một số nội dung về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và tổ chức triển khai thực hiện.

1.2. Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Nhà ở năm 2014 và Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014

Sở Tư pháp đã tổ chức Hội nghị triển khai Luật Nhà ở năm 2014 và Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 cho 102 đại biểu là đại diện Lãnh đạo các sở, ban, ngành cấp tỉnh, thành viên Hội đồng phối hợp phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh, UBND, phòng Tư pháp các huyện, thành phố; biên soạn, cung cấp 102 Đề cương tuyên truyền Luật Nhà ở năm 2014 và Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014, 12.000 Tờ gấp tuyên truyền pháp luật trong lĩnh vực bất động sản cho Nhân dân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang¹; đồng thời đăng tải trên Trang Thông tin điện tử Sở Tư pháp và Fanpage Phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Tuyên Quang.

2. Kết quả thực hiện Luật Nhà ở năm 2014 và Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014

2.1. Công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh

Sở Tư pháp đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành 06 Kế hoạch công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh hàng năm; phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 06 Quyết định phê duyệt Danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm; đồng thời ban hành kế hoạch công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Sở Tư pháp để triển khai tổ chức thực hiện.

¹ 6.000 Tờ gấp “Tìm hiểu quy định về giới hạn quyền sở hữu, quyền khác đối với bất động sản”; 6.000 Tờ gấp “Tìm hiểu một số quy định về quyền, nghĩa vụ đối với bất động sản liên kết”;

Sở Tư pháp đã trình HĐND, UBND tỉnh 05 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực bất động sản (*gồm 03 nghị quyết, 02 quyết định*)²; thẩm định 29 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (*05 Nghị quyết; 24 Quyết định*), tham gia ý kiến đối với 45 dự thảo văn bản của Trung ương và địa phương về lĩnh vực nhà ở, bất động sản.

Tự kiểm tra 22 văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành (*05 Nghị quyết, 17 Quyết định*), rà soát 74 lượt văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành trong lĩnh vực bất động sản; rà soát, kiến nghị đối với 18 nội dung bất cập, chồng chéo, vướng mắc giữa các quy định của pháp luật của trung ương liên quan đến lĩnh vực bất động sản.

Từ ngày 01/7/2015 đến nay, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành 22 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực bất động sản (*gồm 05 Nghị quyết, 17 Quyết định*) (*Chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo*).

2.2. Công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật

Sở Tư pháp đã trình UBND tỉnh ban hành 04 kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật có lĩnh vực trọng tâm liên ngành có liên quan đến bất động sản (*năm 2017, 2018, 2020, 2021*) và tham mưu tổ chức triển khai thực hiện.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức theo dõi thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; bảo vệ môi trường đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thu hồi đất, giao rừng và chuyển mục đích sử dụng rừng. Thường xuyên hướng dẫn nghiệp vụ cho công chức làm công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật; biên soạn, in và cung cấp 200 cuốn tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật cho các ngành, các cấp; điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực với trên 400 phiếu; xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật, báo cáo Ủy ban nhân tỉnh theo quy định; phối hợp với các sở, ban, ngành đề xuất phương án giải quyết 49 lượt vụ việc

² (1) Nghị quyết số 13/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh về việc bãi bỏ Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐND ngày 18/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định mức thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (2) Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (3) Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (4) Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 ban hành Quy chế khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (5) Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 18/5/2021 của UBND tỉnh Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

vướng mắc, khiếu nại, tố cáo trong thi hành pháp luật về đất đai, giải phóng mặt bằng theo chỉ đạo của UBND tỉnh.

Tổ chức 02 cuộc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh và 07 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện, thành phố.

2.3. Công tác công chứng, chứng thực

Trong kỳ báo cáo, toàn tỉnh đã thực hiện công chứng, chứng thực 131.460 hợp đồng, giao dịch liên quan đến nhà ở, bất động sản, trong đó các tổ chức hành nghề công chứng thực hiện công chứng 66.606 hợp đồng, giao dịch; UBND cấp xã thực hiện chứng thực 64.854 hợp đồng, giao dịch.

3. Đánh giá chung về những kết quả đạt được

Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang đã bám sát các nhiệm vụ chính trị của ngành, của tỉnh, tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực tư pháp để triển khai thực hiện Luật Nhà ở năm 2014, Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành; chủ trì phối hợp với các ngành, các cấp triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả toàn diện công tác tư pháp; công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh tiếp tục có nhiều đổi mới; hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nói chung và lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản nói riêng của địa phương tiếp tục được hoàn thiện, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và đồng bộ, loại bỏ các quy định không phù hợp, khả thi, bất hợp lý, qua đó đã góp phần hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về nhà ở và kinh doanh bất động sản từ trung ương đến địa phương.

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Theo quy định của pháp luật thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng hoặc chứng thực tại UBND cấp xã đối với các hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất³. Tuy nhiên, công chứng và chứng thực có những điểm khác nhau như sau:

³ Khoản 3 Điều 167 Luật Đất đai năm 2013 quy định về công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất như sau:

“3. Việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất được thực hiện như sau:

a) Hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất phải được công chứng hoặc chứng thực, trừ trường hợp kinh doanh bất động sản quy định tại điểm b khoản này;

b) Hợp đồng cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp; hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản gắn liền với đất mà một bên hoặc các bên tham gia giao dịch là tổ chức hoạt động kinh doanh bất động sản được công chứng hoặc chứng thực theo yêu cầu của các bên;

*** Về nội dung hoạt động công chứng, chứng thực:**

- Khoản 1 Điều 2 Luật công chứng năm 2014 quy định: “Công chứng là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng *chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản, tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng*”.

- Khoản 4 Điều 2 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP quy định “Chứng thực hợp đồng, giao dịch là việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định này *chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch*”.

*** Về mức thu phí:**

- Tại các tổ chức hành nghề công chứng: Mức thu phí được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính (*sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ Tài chính*) với mức thu phí chủ yếu tính theo giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch.

- Tại Phòng Tư pháp hoặc UBND cấp xã: Mức thu phí được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính là **50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch**.

Theo đó, công chứng là chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản; chứng thực là việc chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch, năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ ký hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch; hoạt động **chứng thực không đặt ra trách nhiệm “*chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch*”** (do UBND cấp xã hoặc Phòng tư pháp) nên xảy ra trường hợp hợp đồng, giao dịch được chứng thực nhưng không hợp pháp.

Mức phí công chứng và phí chứng thực hợp đồng, giao dịch về đất đai là khác nhau, điều này đã tạo nên sự “*phân biệt*” đối với người dân khi thực hiện các hợp đồng, giao dịch. Với tâm lý cùng là một hợp đồng, giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, nhà ở nhưng khi thực hiện công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng thì mức thu phí cao hơn nhiều lần so với việc chứng thực

c) Văn bản về thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật về dân sự; d) Việc công chứng thực hiện tại các tổ chức hành nghề công chứng, việc chứng thực thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã”.

tại UBND cấp xã nơi có đất. Vì vậy, nhiều cá nhân, tổ chức đã lựa chọn chứng thực hợp đồng, giao dịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã.

Ngoài ra, hiện nay các tổ chức hành nghề công chứng không có trang thiết bị kiểm tra giấy tờ thật của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nên việc đối chiếu giấy tờ chủ yếu dựa vào kinh nghiệm của công chứng viên, nên tính chính xác không cao, khó phát hiện, tiềm ẩn nhiều rủi ro; các văn phòng công chứng tư thường xuyên thay đổi công chứng viên hợp danh, tên văn phòng công chứng (*trừ Phòng công chứng trực thuộc Sở Tư pháp*) nên rất khó khăn trong quản lý của cơ quan nhà nước và ảnh hưởng không nhỏ việc tiếp cận dịch vụ công chứng và quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức có liên quan.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

Đề nghị Chính phủ trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật nhà ở và Luật kinh doanh bất động sản, quy định rõ đối với các hợp đồng, giao dịch liên quan nhà ở, bất động sản phải thực hiện công chứng nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia giao dịch.

Sở Tư pháp trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Xây dựng (tổng hợp);
- Giám đốc STP;
- Webservice STP;
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL.
(Lan.04b điện tử).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thục

Phụ lục 01**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO HĐND, UBND TỈNH BAN HÀNH
CÓ NỘI DUNG LIÊN QUAN ĐẾN BẤT ĐỘNG SẢN**

STT	Tên loại, số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên (trích yếu) văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
I	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: 01 văn bản.			
1.	Nghị quyết số 20/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019	Về việc thông qua bảng giá đất năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	01/01/2020	
2.	Nghị quyết 13/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017	Về việc bãi bỏ Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐND ngày 18/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định mức thu phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	10/8/2017	
3.	Nghị quyết 08/2016/NQ-HĐND ngày 06/12/2016	Về thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	01/01/2017	
4.	Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017	Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	10/8/2017	
5.	Nghị quyết 09/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018	Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của HĐND tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	01/01/2019	

STT	Tên loại, số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên (trích yếu) văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
II	Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: 21 văn bản.			
1.	Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 28/01/2016	Về ban hành quy định chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa sử dụng đất tại đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	07/02/2016	
2.	Quyết định Số 05/2016/QĐ-UBND ngày 10/3/2016	Về việc miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	20/3/2016	
3.	Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016	Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	01/01/2017	
4.	Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017	Ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại về tài sản (vật kiến trúc, cây trồng, vật nuôi) gắn liền với đất bị thu hồi khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, mục đích phát triển kinh tế theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	05/5/2017	
5.	Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 10/7/2017	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành Bảng giá đất 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	20/7/2017	Hết hiệu lực toàn bộ
6.	Quyết định 02/2018/QĐ-UBND ngày 19/3/2018	Ban hành Quy định về trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý đất đai, khoáng sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	01/4/2018	
7.	Quyết định số 28/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019	Ban hành Đơn giá Đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh	30/10/2019	

STT	Tên loại, số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên (trích yếu) văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
		Tuyên Quang		
8.	Quyết định 38/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019	Quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất và Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	29/12/2019	
9.	Quyết định số 40/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019	Ban hành quy định phân loại đường phố, phân khu vực, phân vị trí đất và Bảng giá đất 5 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	01/01/2020	
10.	Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019	Quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá; đơn giá thuê đất có mặt nước; đơn giá thuê đất đối với đất xây dựng công trình ngầm trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	01/01/2020	
11.	Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 20/12/2015	Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2016 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	01/01/2016	Hết hiệu lực toàn bộ
12.	Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016	Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2017 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	01/01/2017	Hết hiệu lực toàn bộ
13.	Quyết định số 27/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017	Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2018 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	01/01/2018	Hết hiệu lực toàn bộ
14.	Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018	Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	01/01/2019	Hết hiệu lực toàn bộ

STT	Tên loại, số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản	Tên (trích yếu) văn bản	Thời điểm có hiệu lực	Ghi chú
15.	Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 15/01/2020	Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	26/01/2020	Hết hiệu lực toàn bộ
16.	Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 26/12/2020	Về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	05/01/2021	
17.	Quyết định 03/2021/QĐ-UBND ngày 18/5/2021	Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	01/6/2021	